CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày 30/09/2025	7,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	15.4%	**-2.6%**	**-**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,000 - 11,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	140
Số lượng CPLH (CP)	18,644,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	250
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.05
EPS	-510
P/E	-14.7

DT thuần
Q3/25
8.66
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.60| 7.5%
YoY: ▲ 0.60| 7.5%

LN thuần
Q3/25
-0.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.64| 94.3%
YoY: ▲ 0.41| 54.9%

LN sau thuế
Q3/25
-0.12
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.27| 96.5%
YoY: ▼0.04| -48.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-0.5%
YoY: +/-▲ 40.4%

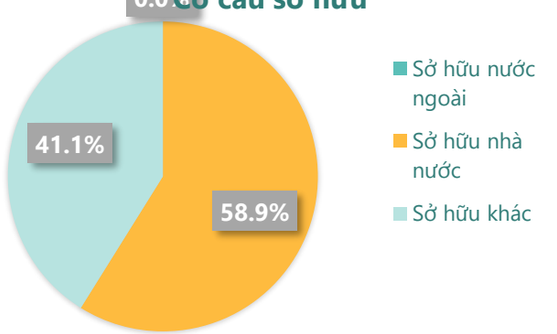
ROE (TTM)
Q3/25
-5.7%
YoY: +/-▼ 0.0%

DT thuần
9T 2025
22.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.60| 3.0%

LN thuần
9T 2025
-8.91
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.69| 29.1%

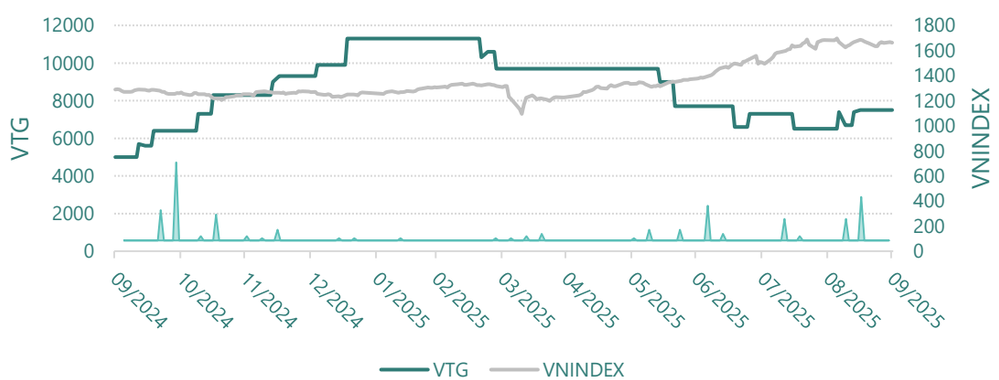
LN sau thuế
9T 2025
-6.10
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.2| -167%

Cơ cấu sở hữu

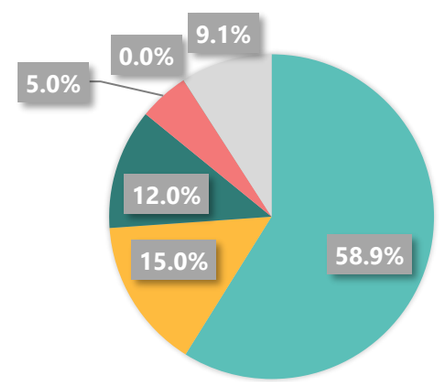


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

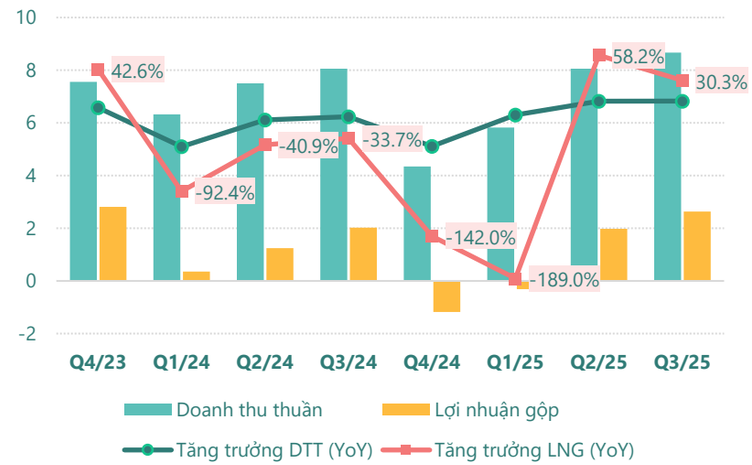


- UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Dịch vụ du lịch Hải An
- Công ty TNHH Thương mại - Du lịch Ngọc Lâm
- Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thương mại An Khang
- Nguyễn Hồng Ân
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

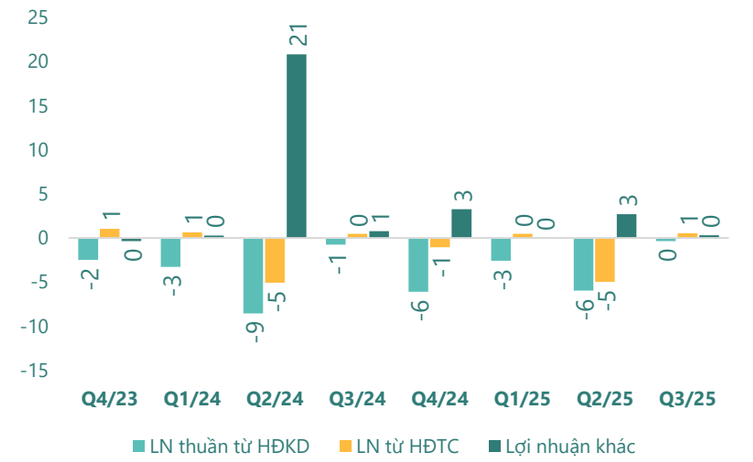
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



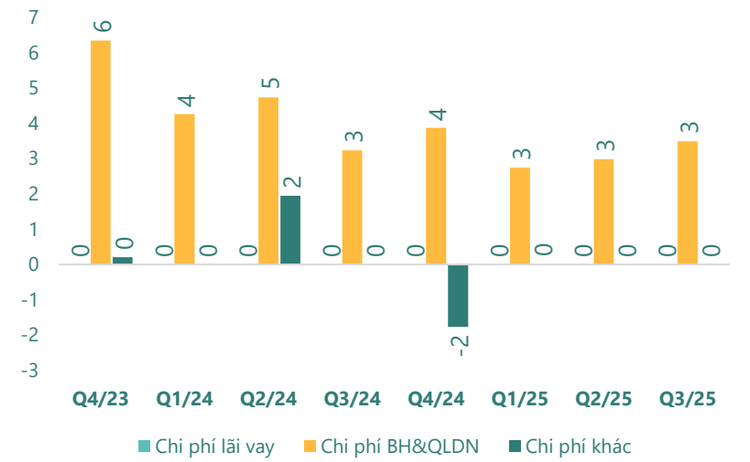
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



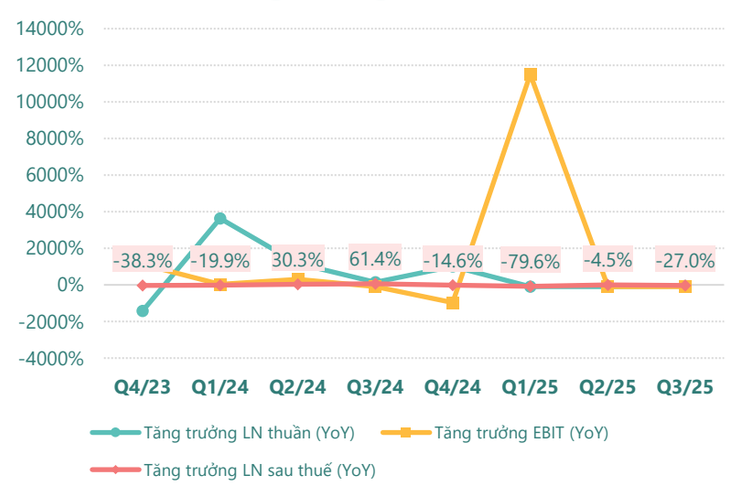
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



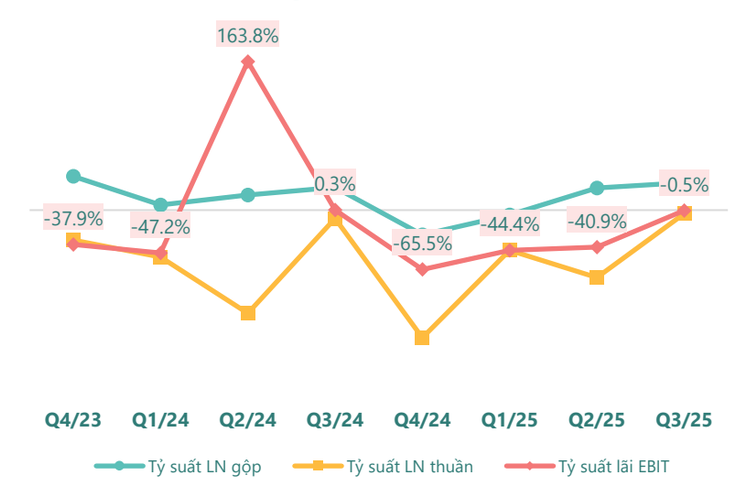
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



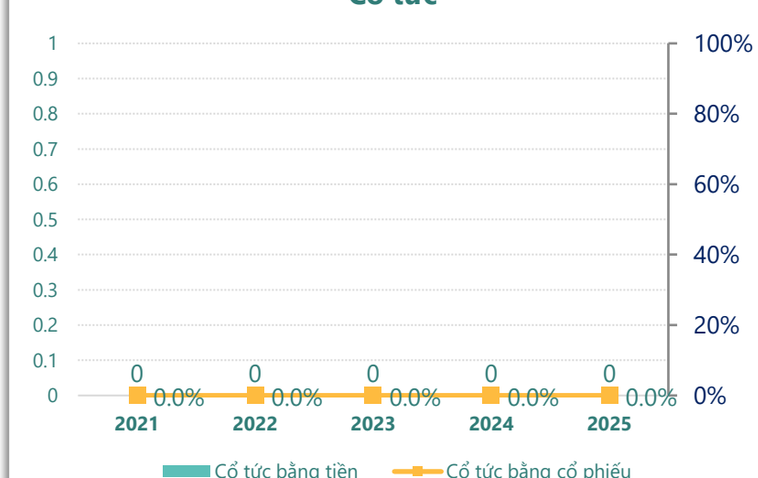
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

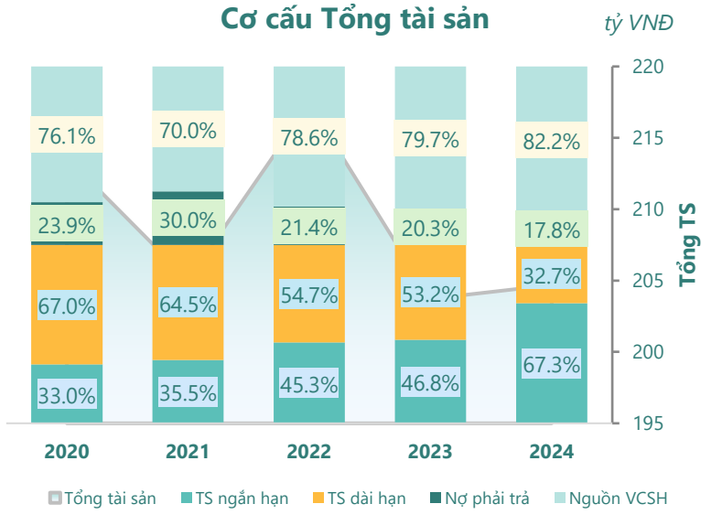
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

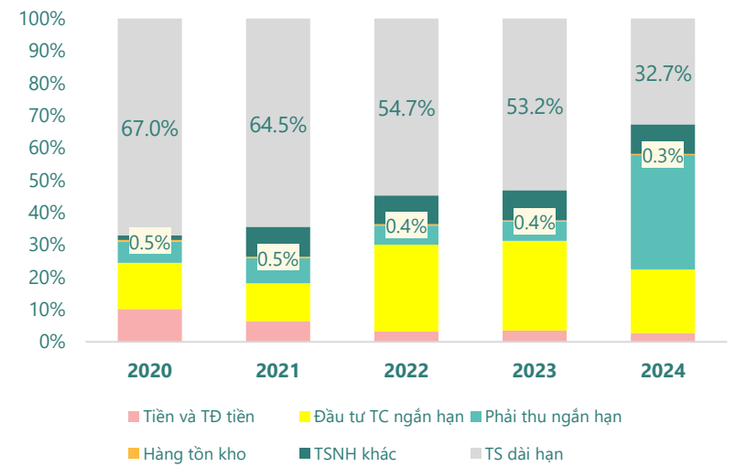
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



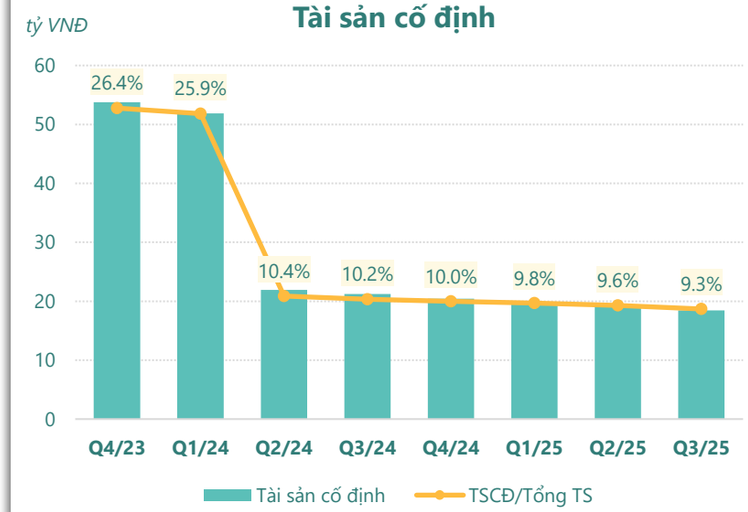
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



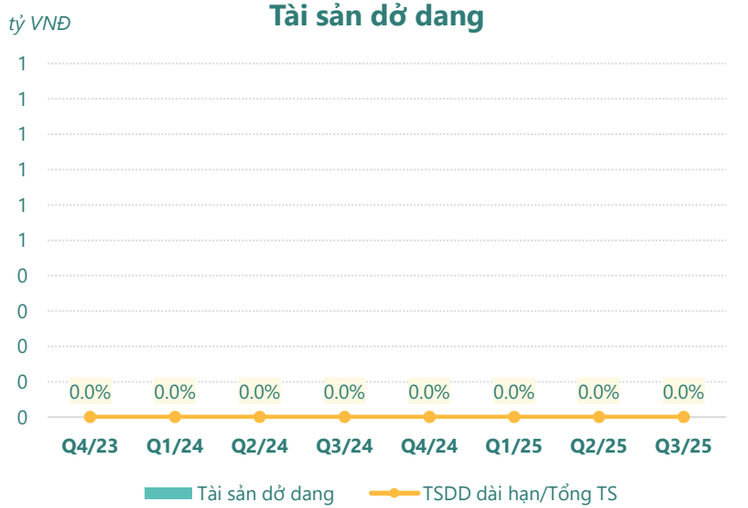
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



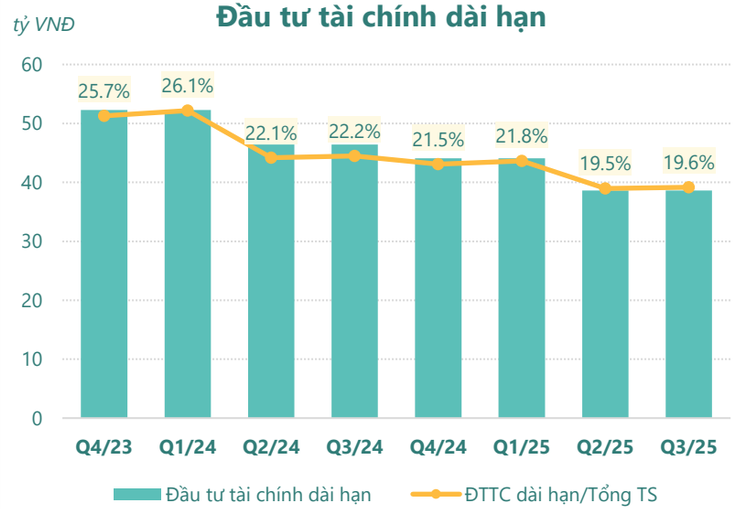
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



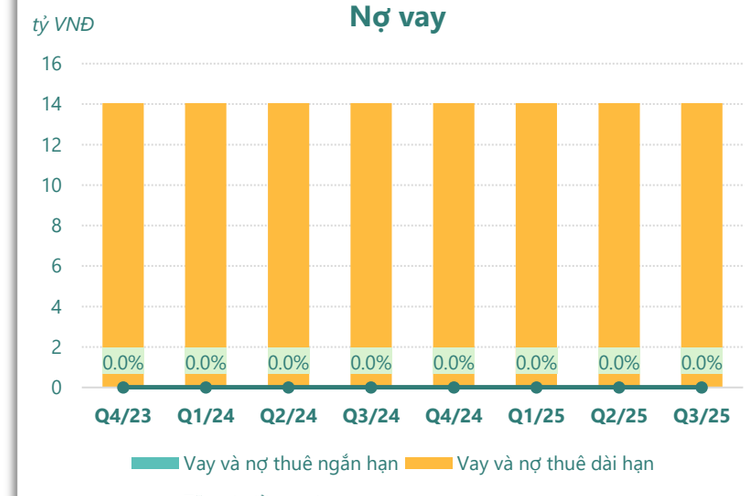
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

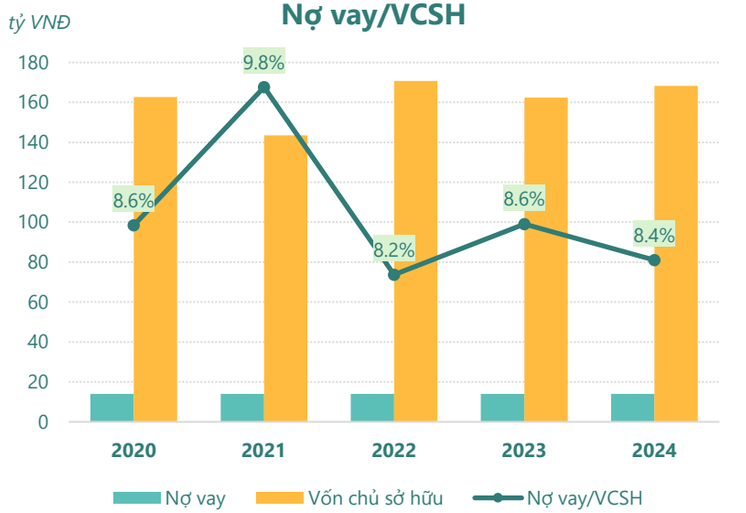
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



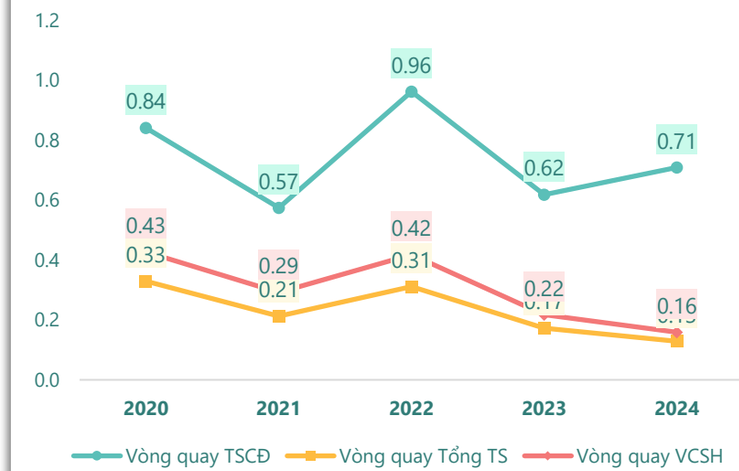
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



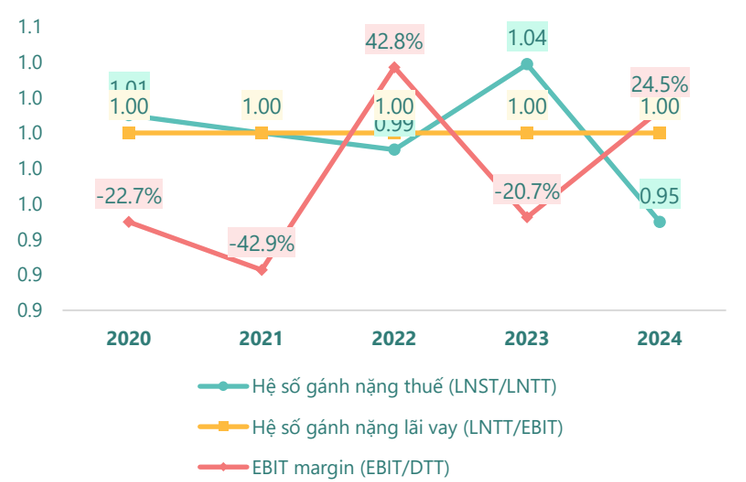
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



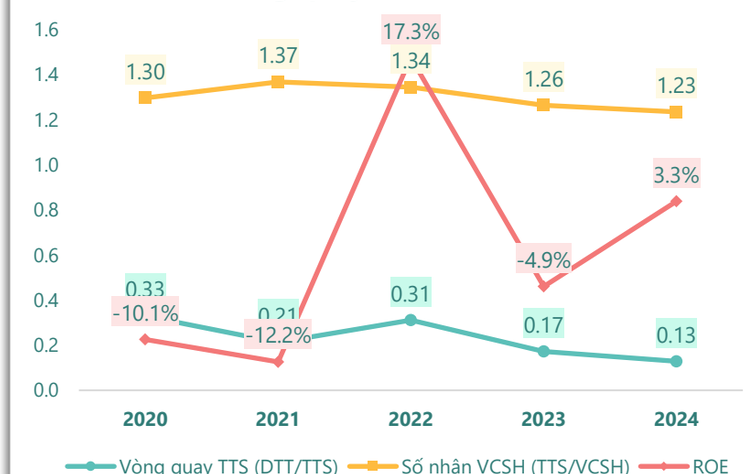
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



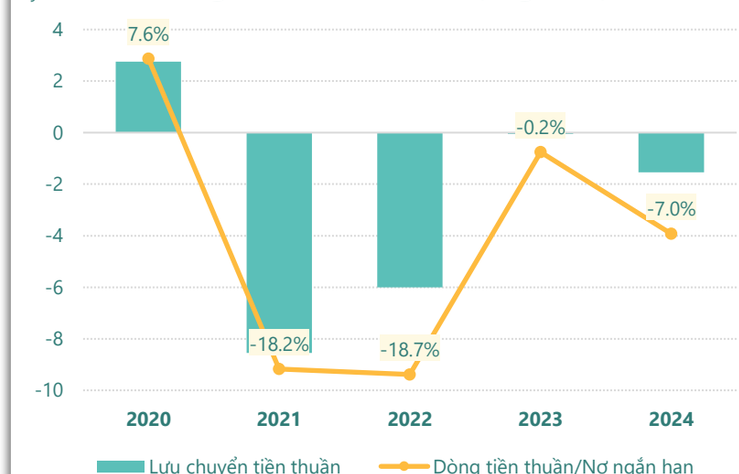
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**8.66**	**8.06**	**7.5%**	**22.5**	**21.9**	**3.0%**
Giá vốn hàng bán	6.03	6.04	-0.1%	18.3	18.3	0.0%
Lợi nhuận gộp	2.63	2.02	30.2%	4.29	3.62	18.4%
Doanh thu HĐTC	0.53	0.47	11.9%	1.51	1.89	-19.9%
Chi phí TC	0	0.00		5.49	5.83	-5.9%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.33	0.28	18.3%	0.82	1.41	-42.0%
Chi phí QLDN	**3.16**	**2.95**	**7.2%**	**8.40**	**10.8**	**-22.4%**
LN thuần từ HĐKD	-0.34	-0.75	54.9%	-8.91	-12.6	29.1%
Lợi nhuận khác	**0.29**	**0.77**	**-62.0%**	**2.98**	**21.9**	**-86.4%**
LN trước thuế	-0.05	0.02	-328%	-5.92	9.33	-164%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.12**	**-0.08**	**-48.2%**	**-6.10**	**9.05**	**-167%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.26**	**-0.27**	**4.5%**	**-6.44**	**8.65**	**-174%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.68	-12.4	-5.49	-2.58	0.50	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-27.9	11.4	4.06	1.06	3.21	-0.94
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.15	0	0	-0.50	0	-0.33
Tiền đầu kỳ	37.7	5.97	4.98	5.55	3.53	7.24
Lưu chuyển tiền thuần	**-31.7**	**-0.99**	**-1.43**	**-2.03**	**3.71**	**-1.26**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.97	4.98	3.55	3.53	7.24	5.98

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**197**	**205**	**-3.6%**
Tài sản ngắn hạn	137	138	-0.3%
Tiền và tương đương tiền	5.98	5.55	7.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.1	40.2	-2.8%
Phải thu ngắn hạn	72.8	72.5	0.4%
Hàng tồn kho	0.50	0.60	-16.7%
Tài sản ngắn hạn khác	18.9	18.8	0.6%
Tài sản dài hạn	**59.9**	**67.0**	**-10.5%**
Phải thu dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản cố định	18.4	20.5	-9.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	38.6	44.1	-12.4%
Tài sản dài hạn khác	**2.38**	**1.93**	**23.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	35.8	36.4	-1.7%
Nợ ngắn hạn	**21.5**	**22.1**	**-2.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.94	1.06	-11.6%
Nợ dài hạn	14.3	14.3	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	14.1	14.1	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**161**	**168**	**-4.1%**
Vốn chủ sở hữu	**161**	**168**	**-4.1%**
Vốn điều lệ	186	186	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)